

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/DS-PT

Ngày 18-01-2021

“V/v tranh chấp về quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Tôn

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tấn Lợi

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 12 năm 2020, ngày 15 tháng 01 và ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 353/2020/TLPT-DS ngày 06/10/2020, về việc “*Tranh chấp về quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2020/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lai V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 484/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 527/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị N, sinh năm 1938;

Địa chỉ: Số 228, ấp Bình O, xã Bình Th, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị N: Ông Tạ Như H, sinh năm 1968 (theo văn bản ủy quyền ngày 24/8/2020).

Địa chỉ: Số 28, Quốc lộ 81, khóm Hòa A, Phường 3, thành phố Sa Đ, tỉnh Đồng Tháp.

* *Bị đơn*: Đoàn Văn T, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Số 295/TTA, ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Nguyễn Thanh K, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Số 227, ấp Bình O, xã Bình Th, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Thanh C, sinh năm 1964;

3. Nguyễn Phước T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số 225, ấp Bình O, xã Bình Th, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyễn Thị Đông H1, sinh năm 1970;

5. Nguyễn Thị Ngọc B1, sinh năm 1973;

6. Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1977;

7. Nguyễn Văn M, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Số 228, ấp Bình O, xã Bình Th, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thanh C: Ông Nguyễn Thanh K, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số 227, ấp Bình O, xã Bình Th, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 02/10/2019).

8. Nguyễn Thiện D1, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số nhà C847E12, khóm Mỹ H3, Phường 4, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thiện D1: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956; Địa chỉ: Số nhà C847E12, khóm Mỹ H3, Phường 4, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 01/7/2020).

9. Nguyễn Kim T1, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số 99A, đường Nguyễn Công Tr, tổ 22, khóm 4, Phường 5, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

10. Lê Thị Thu H1, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số 298, khóm S, phường Tân Quy Đ1, thành phố Sa Đ, tỉnh Đồng Tháp.

11. Huỳnh Thị H4, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số 135, ấp Hòa L1, xã Hòa A, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

12. Huỳnh Thị S1, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp Tân Lộc E1, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

13. Huỳnh Thị S2, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp Tân Tr1, xã Tân M1, huyện Lấp V1, tỉnh Đồng Tháp.

14. Huỳnh Kim G, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số 213, ấp Khánh Mỹ B, xã Tân Khánh I, huyện Lấp V1, tỉnh Đồng Tháp.

15. Huỳnh Thị Ngọc D2, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số 242, ấp Khánh Mỹ B, xã Tân Khánh I, huyện Lấp V1, tỉnh Đồng Tháp.

16. Huỳnh Nh, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 538, ấp Khánh Mỹ E1, xã Tân Khánh I, huyện Lấp V1, tỉnh Đồng Tháp.

17. Huỳnh Thu Th, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số 295, ấp Tân B, xã Tân Khánh I, huyện Lấp V1, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Lê Thị Thu H1, Huỳnh Thị H4, Huỳnh Thị S1, Huỳnh Thị S2, Huỳnh Kim G, Huỳnh Thị Ngọc D2, Huỳnh Nh, Huỳnh Thu Th: Bà Nguyễn Kim T1, sinh năm 1956; Địa chỉ: Số 99A, đường Nguyễn Công Tr, tổ 22, khóm 4, Phường 5, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 20/4/2020 và ngày 22/4/2020).

** Người làm chứng:*

1. Võ Văn X, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số 274C, ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

2. Đoàn Thị S3, sinh năm 1946;

Địa chỉ: Ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trần Văn Th1 (tên gọi khác là V2), sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 32/3, ấp Tân T, xã Tân Quy Y, thành phố Sa Đ, tỉnh Đồng Tháp.

4. Lê Hữu T3 (tên gọi khác là Út T3), sinh năm 1962;

Địa chỉ: Tổ 14, ấp Bình O, xã Bình Th, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

5. Trần Hữu L1, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Số 297, ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

6. Trần Thị Phi L2, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Số 271, ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

7. Nguyễn Văn B1, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số 250, ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

8. Đoàn Văn C1, sinh năm 1928;

Địa chỉ: Số 294, ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

9. Trần Văn T2, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số 25, khóm Tân U, phường Tân Quy Đ1, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Tạ Như H, ông Đoàn Văn T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Kim T1, ông Nguyễn Thanh K, ông Nguyễn Phước T, ông Võ Văn X, bà Đoàn Thị S3, anh Trần Văn Th1, ông Lê Hữu T3 có mặt tại phiên tòa. Ông Trần Hữu L1, bà Trần Thị Phi L2, ông Nguyễn Văn B1, ông Đoàn Văn C1, ông Trần Văn T2 vắng mặt tại phiên tòa có lý do. Ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Đông H1, bà Nguyễn Thị Ngọc B1, bà Nguyễn Thị Kim P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Ông Đoàn Văn T vắng mặt khi tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của cụ Nguyễn Thị N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh K, Nguyễn Phước T, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Đông H1, Nguyễn Thị Ngọc B1, Nguyễn Thị Kim P cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh K trình bày:*

Cụ Nguyễn Thị N có chồng là cụ Nguyễn Thành Ngh (cụ Ngh chết ngày 24/11/2012). Trước năm 1975 cụ Nguyễn Văn Tr là cha của cụ Nguyễn Thành Ngh có phần đất tại rạch Cái Sơn thuộc ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp (phần đất này có giấy tờ do chế độ cũ cấp nhưng cụ Tr tản cư về xã Bình Th, huyện Cao L sinh sống thì bị thất lạc). Năm 1975 cụ Tr cho cụ Ngh canh tác phần đất nêu trên. Theo hồ sơ địa chính của cơ quan có thẩm quyền cung cấp thì phần đất trên thuộc thửa số 125, tờ bản đồ số 31 (bản đồ địa chính chính quy), diện tích 1.598m². Quá trình sử dụng cụ thể là: Trước năm 1972 cụ Nguyễn Văn Tr ở trên phần đất nêu trên. Năm 1972 cụ Tr tản cư về sinh sống ở huyện Cao L nên không trực tiếp sử dụng, chỉ đi qua lại để viếng mộ mã ông bà. Năm 1975 cụ Tr đã cho phần đất trên cho cụ Ngh. Sau khi cụ Tr chết cụ Ngh được thừa hưởng, cụ Ngh cũng thường xuyên đi lại để viếng mộ mã. Năm 1980 cụ Ngh cho ông Võ Văn X (cháu rể cụ Ngh) ở nhờ và canh tác toàn bộ diện tích đất nêu trên. Năm 2014 thì ông X không ở nữa nên trả đất cho cụ N (do cụ Ngh chết ngày 24/11/2012). Từ năm 2014 cụ N để đất trống nhưng cũng thường xuyên tới lui trông coi. Năm 2017, ông Đoàn Văn T ngang nhiên vào sử dụng phần đất trên để trồng hoa kiểng nên cụ N phát sinh tranh chấp đến nay. Phần đất này từ trước đến nay cụ Ngh chưa kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Nay cụ N cùng các con của cụ và cụ Ngh gồm Nguyễn Thanh K, Nguyễn Phước T, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Đông H1, Nguyễn Thị Ngọc B1, Nguyễn Thị Kim P yêu cầu ông Đoàn Văn T và những người thừa kế của cụ Đoàn Thị C2 (do ông T và người thừa kế của cụ C2 xác định đất tranh chấp là của cụ C2) trả lại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 31, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.943,7m², tọa lạc tại ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp thể hiện trên Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 19/5/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai V. Theo đó, ông Đoàn Văn T phải di dời hoa kiểng, giàn trồng hoa kiểng, 02 cây bằng lăng, 01 cây lộc vùng và hàng rào lưới B40 trên đất tranh chấp cụ N không bồi thường. Đối với 04 cây vú sữa và 01 cây bằng lăng có trên đất từ trước, những người thừa kế của cụ C2 xác định của cụ C2 trồng thì cụ N yêu cầu giữ nguyên hiện trạng. Đối với căn nhà của cụ C2 xây dựng trên đất thì cụ N cùng các con của cụ N yêu cầu những người thừa kế của cụ C2 tháo dỡ, cụ N cùng các con của cụ N đồng ý bồi thường giá trị căn nhà và cây trồng theo biên bản định giá ngày 19/5/2020.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh K xác định: Đối với căn nhà của cụ C2 xây dựng trên đất thì cụ N cùng các con của cụ N yêu cầu những người thừa kế

của cụ C2 tháo dỡ, cụ N cùng các con của cụ N sẽ hỗ trợ chi phí tháo dỡ nhưng không đưa ra mức chi phí hỗ trợ mà đề nghị Tòa án xem xét.

** Theo ông Đoàn Văn T trình bày:*

Ông không biết cụ Nguyễn Thị N là ai. Tuy nhiên, ngày 01/01/2001 ông có thuê của bà Nguyễn Kim T1 phần đất để trồng hoa kiểng và hai bên có làm hợp đồng bằng giấy tay. Thời hạn thuê 20 năm, đến 01/01/2021 là hết hạn. Ông T xác định phần đất cụ N tranh chấp là của cụ Đoàn Thị C2 canh tác từ rất lâu. Sau khi cụ C2 chết thì con cụ C2 là bà Nguyễn Kim T1 và ông Nguyễn Thiện D1 quản lý sử dụng và hợp đồng cho ông thuê phần đất nêu trên. Hợp đồng thuê đất ông đã thanh toán tiền thuê hàng năm cho bà T1 và ông D1 đầy đủ và các bên không có tranh chấp. Hiện tại ông đang sử dụng diện tích đất theo đo đạc thực tế là 1.943,7m², tọa lạc tại ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp thể hiện trên Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 19/5/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai V để trồng hoa kiểng.

Nay ông không đồng ý trả phần đất trên cho cụ N mà chỉ đồng ý trả cho bà T1, ông D1 khi hết hạn hợp đồng. Trên đất tranh chấp ông làm giàn để trồng hoa kiểng và có 02 cây bằng lăng, 01 cây lộc vùng cùng với hàng rào lưới B40 ở phía trước cặp đường lộ nông thôn. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của cụ N thì ông tự di dời hoa kiểng, giàn trồng hoa kiểng, 02 cây bằng lăng, 01 cây lộc vùng và hàng rào lưới B40 để trả lại đất. Trường hợp không chấp nhận yêu cầu của cụ N thì ông và bà T1, ông D1 tự thỏa thuận và không tranh chấp gì đối với hợp đồng thuê đất ngày 01/01/2001.

** Theo bà Nguyễn Thị T đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thiện D1; bà Nguyễn Kim T1, bà T1 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của Lê Thị Thu H1, Huỳnh Thị H4, Huỳnh Thị S1, Huỳnh Thị S2, Huỳnh Kim G, Huỳnh Thị Ngọc D2, Huỳnh Nh, Huỳnh Thu Th trình bày:*

Cụ Đoàn Thị C2 có chồng là cụ Nguyễn Văn Tr1 (chết năm 1976). Cụ C2 và cụ Tr1 có các con chung gồm: (01) Nguyễn Thị Y1 (chết năm 2016) có các con là Huỳnh Thị H4, Huỳnh Thị S1, Huỳnh Thị S2, Huỳnh Kim G, Huỳnh Thị Ngọc D2, Huỳnh Nh, Huỳnh Thu Th; (02) Nguyễn Văn T (chết năm 1966) có con là Lê Thị Thu H1; (03) Nguyễn Thiện D1; (04) Nguyễn Kim T1. Cụ Đoàn Thị C2 chết năm 2003. Thửa đất số 125, tờ bản đồ số 31, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.943,7m², tọa lạc tại ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp thể hiện trên Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 19/5/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai V là của cụ Đoàn Thị C2 mua của cụ Nguyễn Văn Tr từ trước năm 1975 và đã sử dụng từ đó đến nay. Trên phần

đất này cụ C2 đã xây dựng nhà ở từ năm 1972. Năm 2001, do cụ C2 lớn tuổi nên giao phần đất trên cho ông D1 và bà T1 quản lý sử dụng. Ngày 01/01/2001, bà Nguyễn Kim T1 có làm hợp đồng bằng giấy tay cho ông Đoàn Văn T thuê toàn bộ thửa đất trên để trồng hoa kiểng. Thời hạn thuê 20 năm, đến 01/01/2021 là hết hạn. Ngoài thửa đất trên cụ C2 có thửa đất cây lâu năm liền kề và một thửa đất ruộng ở nơi khác. Năm 1978, cụ C2 đã có kê khai đăng ký xin cấp quyền sử dụng đối với 03 thửa đất. Ngày 13/9/1993 cụ C2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi chung một thửa nên cứ nghĩ là phần đất tranh chấp hiện nay đã được cấp quyền sử dụng đất. Do đó không biết cơ quan quản lý đất đai có nhầm lẫn gì trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà thửa số 125, tờ bản đồ số 31 bản đồ địa chính chính quy, (thửa 1554, bản đồ 299), diện tích theo đo đạc thực tế là 1.943,7m², tọa lạc tại ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp hiện nay chưa được cấp giấy.

Nay ông Nguyễn Thiện D1, bà Nguyễn Kim T1, bà T1 đồng thời là đại diện theo ủy quyền của Lê Thị Thu H1, Huỳnh Thị H4, Huỳnh Thị S1, Huỳnh Thị S2, Huỳnh Kim G, Huỳnh Thị Ngọc D2, Huỳnh Nh, Huỳnh Thu Th xác định thửa số 125, tờ bản đồ số 31 bản đồ địa chính chính quy, (thửa 1554, bản đồ 299), diện tích theo đo đạc thực tế là 1.943,7m², tọa lạc tại ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp là của cụ C2 nên không đồng ý trả lại theo yêu cầu của cụ N cùng các con của cụ N.

Trường hợp chấp nhận yêu cầu của cụ N thì ông D1, bà T1, bà T1 đồng thời là đại diện theo ủy quyền của Lê Thị Thu H1, Huỳnh Thị H4, Huỳnh Thị S1, Huỳnh Thị S2, Huỳnh Kim G, Huỳnh Thị Ngọc D2, Huỳnh Nh, Huỳnh Thu Th đồng ý tháo dỡ căn nhà của cụ C2 đã xây dựng trên đất và yêu cầu phía nguyên đơn bồi thường giá trị căn nhà theo Biên bản định giá ngày 19/5/2020. Đối với cây trồng trên đất gồm 04 cây vú sữa và 01 cây bằng lăng đồng ý để lại cho nguyên đơn sử dụng và không yêu cầu bồi thường.

Trường hợp không chấp nhận yêu cầu của cụ N thì ông D1, bà T1, bà T1 đồng thời là đại diện theo ủy quyền của Lê Thị Thu H1, Huỳnh Thị H4, Huỳnh Thị S1, Huỳnh Thị S2, Huỳnh Kim G, Huỳnh Thị Ngọc D2, Huỳnh Nh, Huỳnh Thu Th không có tranh chấp gì đối với thửa đất nêu trên và sẽ tự thỏa thuận với ông Đoàn Văn T không tranh chấp gì đối với hợp đồng thuê đất ngày 01/01/2001.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 41/2020/DS-ST ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lai V, quyết định:

Bác yêu cầu của cụ N cùng Nguyễn Thanh K, Nguyễn Phước T, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Đông H1, Nguyễn Thị Ngọc B1, Nguyễn Thị Kim P về việc yêu cầu ông Đoàn Văn T và những người thừa kế của cụ Đoàn Thị C2 trả lại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 31, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.943,7m², tọa lạc tại ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp thể hiện trên Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 19/5/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai V.

Ông Nguyễn Thiện D1, bà Nguyễn Kim T1, Lê Thị Thu H1, Huỳnh Thị H4, Huỳnh Thị S1, Huỳnh Thị S2, Huỳnh Kim G, Huỳnh Thị Ngọc D2, Huỳnh Nh, Huỳnh Thu Th được tiếp tục sử dụng căn nhà cùng các cây trồng của cụ Đoàn Thị C2 gắn liền với thửa đất số 125, tờ bản đồ số 31, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.943,7m², tọa lạc tại ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp và liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

(Có Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 19/5/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai V đính kèm).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/8/2020, cụ N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 41/2020/DS-ST ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lai V, lý do không đồng ý với phán quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai V. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp công nhận phần đất với diện tích là 1.598m², tại thửa số 1554 tờ bản đồ số 299 nay là thửa 125 tờ bản đồ số 31 theo bản đồ địa chính chính quy cho cụ N vì nguồn gốc đất là của cha cụ N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Tạ Như H đại diện theo ủy quyền của cụ Nguyễn Thị N trình bày: Phần đất tranh chấp theo nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xác định là của cụ Tr, phần đất này bên cụ Ngh và cụ N không có sử dụng đất nhưng có qua lại phần đất này để viếng mồ mã ông bà và trông coi đất, đến năm 2012 gia đình cụ N mới bốc mộ ông bà về xã Bình Th của huyện Cao L. Năm 2017, bên gia đình cụ N phát hiện ông T sử dụng đất không hợp pháp nên phát sinh tranh chấp. Phần đất tranh chấp thuộc thửa số 1554 theo bản đồ số 299 nay là thửa 125 theo bản đồ địa chính chính quy, theo xác nhận của chính quyền địa phương thì phần đất này chưa có kê khai, đăng ký và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai, do cụ N nghĩ rằng đất là của ông bà để lại là của cụ N nên trước nay không kê khai đăng ký, còn các con của cụ Ngh

và cụ N do không hiểu pháp luật nên không có kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất. Nay cụ N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết công nhận cho cụ N diện tích đất là 1.245,99m², tại thửa số 125, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp. Phần đất còn lại là 697,7m² cụ N đồng ý giao cho bên gia đình của cụ Đoàn Thị C2.

Ông Đoàn Văn T trình bày: Ông T không đồng ý trả phần đất trên cho cụ N mà chỉ đồng ý trả cho bà T1, ông D1 khi hết hạn hợp đồng. Đối với tài sản, vật kiến trúc, cây trồng trên đất tranh chấp ông T tự tháo dỡ di dời để trả lại đất. Ông không tranh chấp đối với hợp đồng thuê đất với bà T1, ông D1. Ông T với bà T1, ông D1 tự thỏa thuận về hợp đồng thuê đất, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Thanh K, ông K đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh C trình bày: Ông K thống nhất theo trình bày và yêu cầu của ông H.

Ông Nguyễn Phước T trình bày: Ông T thống nhất theo trình bày và yêu cầu của ông H.

Bà Nguyễn Thị T trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ C2 chuyển nhượng của cụ Tr, cụ C2 và các con của cụ C2 quản lý sử dụng đất từ khi chuyển nhượng đến nay và đã kê khai, đăng ký đất theo quy định, theo xác nhận của chính quyền địa phương thì phần đất tranh chấp tại thửa 125, tờ bản đồ số 31 trong sổ mục kê ghi nhận tên của cụ Đoàn Thị C2. Bên nguyên đơn cho rằng đất tranh chấp là đất hương quả nhưng lại bóc mộ ông bà đi nơi khác, đất tranh chấp cụ Tr cho cụ Ngh từ năm 1975 nhưng đến năm 2012 khi cụ Ngh chết thì cũng không có kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, cụ N và các con của cụ N yêu cầu nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Từ năm 1972, cụ C2 đã cất nhà tường trên đất và sử dụng đất tranh chấp nhưng không có ai tranh chấp. Nay ông D1 không đồng ý theo yêu cầu của cụ N cùng các con của cụ N. Đối với phần đất đang có tranh chấp những người trong hàng thừa kế của cụ C2 không có tranh chấp. Đối với hợp đồng thuê đất ông D1, ông T và bà T1 sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Kim T1 trình bày: Bà T1 thống nhất theo trình bày của bà T, bà T1 không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Theo người làm chứng là ông Võ Văn X trình bày: Cụ Ngh cho ông ở trên đất từ năm 1980, cho ở nhờ chỉ nói miệng không có giấy tờ, đến năm 1990-1991 thì bỏ đi ở nơi khác, sau đó có quay lại ở 02 năm thì bỏ đi. Khi còn ở trên đất tranh chấp thì ông có chứng kiến việc cụ Ngh bóc mộ của ông bà cụ Ngh. Ông X

không nhớ chính xác thời gian ở trên phần đất tranh chấp đất, ông chỉ nhớ ở trên đất được khoảng 7 đến 8 năm thì đốt nhà và bỏ đi không còn ở nữa.

Theo người làm chứng là bà Đoàn Thị S3 trình bày: Theo bà biết thì nguồn gốc phần đất này là của cụ Năm Tr (Nguyễn Văn Tr), cụ Tr có cho cụ C2 ở nhờ, thời gian ở nhờ bà không nhớ, còn việc có bán cho cụ C2 và cụ C2 có sử dụng đất này hay không bà không biết. Bà chỉ biết cụ Ngh có tới lui trông coi đất nhưng không có sử dụng đất.

Theo người làm chứng là anh Trần Văn Th1 trình bày: Anh Th1 là cháu của cụ N, anh Th1 được Cụ N giao trong coi phần đất tranh chấp từ năm 2016, anh có sử dụng và xạ bỏ được hai năm sau đó không có sử dụng, việc ông T sử dụng đất theo hợp đồng thuê là không đúng, ông T chỉ sử dụng phần đất tranh chấp từ năm 2017.

Theo người làm chứng là ông Lê Hữu T3 trình bày: Ngày 10/3/2012 (AL), cụ Ngh có mượn ông đến rạch Cái Sơn, ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V để bốc mộ ông bà của Cụ Ngh về an táng tại xã Bình Th, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 - Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của cụ N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của cụ N còn trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để tham gia phiên tòa xét xử nhưng người liên quan là Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Đông H1, Nguyễn Thị

Ngọc B1, Nguyễn Thị Kim P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Những người làm chứng là Trần Hữu L1, Trần Thị Phi L2, Nguyễn Văn B1, Đoàn Văn C1, Trần Văn T2 có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của cụ N, kháng cáo toàn bộ bản án số 41/2020/DS-ST ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lai V, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xem xét, giải quyết công nhận phần đất với diện tích là 1.598m², tại thửa số 1554 bản đồ số 299 nay là thửa 125 tờ bản đồ số 31 theo bản đồ địa chính chính quy cho cụ Nguyễn Thị N. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H đại diện cho cụ N xác định là yêu cầu công nhận cho cụ N phần đất với diện tích là 1.245,99m², tại thửa số 125, tờ bản đồ số 31, tọa lạc ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp. Phần đất còn lại là 697,7m² cụ N đồng ý giao cho bên gia đình của cụ Đoàn Thị C2.

Xét thấy:

[2.1] Xét yêu cầu của cụ N cùng các con là Nguyễn Thanh K, Nguyễn Phước T, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Đông H1, Nguyễn Thị Ngọc B1, Nguyễn Thị Kim P yêu cầu ông Đoàn Văn T và những người thừa kế của cụ Đoàn Thị C2 trả lại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 31, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.943,7m², tọa lạc ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp thể hiện trên Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 19/5/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai V. Theo đơn kháng cáo yêu cầu công nhận phần đất với diện tích là 1.598m², phần đất còn lại là 345,7m² cụ N đồng ý giao cho bên gia đình của cụ C2 và tại phiên tòa phúc thẩm ông H đại diện theo ủy quyền của cụ N yêu cầu công nhận cho cụ N diện tích đất là 1.245,99m², phần đất còn lại là 697,7m² cụ N đồng ý giao cho bên gia đình của cụ C2.

[2.2] Xét về nguồn gốc, thửa đất số 125, tờ bản đồ số 31, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.943,7m² (theo bản đồ 299 là thửa 1554, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.598m²) là của cụ Nguyễn Văn Tr là cha của cụ Ngh và cụ N.

[2.2.1] Theo ông K, ông H đại diện cho cụ N trình bày cụ Tr không sử dụng đất từ năm 1972. Năm 1975, cụ Tr giao phần đất trên cho cụ Ngh sử dụng, cụ Ngh không có sử dụng đất nhưng thường xuyên qua lại viếng mồ mã ông bà và trông coi đất, đến năm 1980 cụ Ngh cho ông X sử dụng đến năm 2014. Năm 2012, cụ Ngh đã bốc mộ của ông bà về xã Bình Th, huyện Cao L. Từ năm 2014, cụ N để đất trống nhưng cũng thường xuyên tới lui trông coi. Phần đất này từ

trước đến nay cụ Ngh chưa kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2.2] Ông K đại diện cho cụ N ở Tòa án cấp sơ thẩm và ông H đại diện cho cụ N tại Tòa án cấp phúc thẩm trình bày ý kiến và yêu cầu nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh.

[2.2.3] Xét lời khai và ý kiến trình bày tại phiên tòa của những người làm chứng cho cụ N:

Theo lời khai và trình bày của ông Võ Văn X xác định có ở nhờ trên phần đất tranh chấp từ năm 1980 đến năm 1990 - 1991 thì bỏ đi ở nơi khác, sau đó có quay lại ở 02 năm thì bỏ đi. Tại phiên tòa ông X trình bày ông ở trên đất được khoảng 7-8 năm thì đốt nhà và bỏ đi không còn ở nữa, khi còn ở trên đất ông X có chứng kiến việc cụ Ngh bốc mộ của ông bà của cụ Ngh. Ngoài ra, theo tờ xác nhận của ông X ngày 12/01/2021 xác định đến năm 2013 gia đình ông Tr mới bốc mộ và có ông X chứng kiến, cho thấy lời khai của ông X là không nhất quán và mâu thuẫn. Nên xét việc ông K, ông H trình bày cho ông X ở đến năm 2014 thì trả lại đất là không có cơ sở, mâu thuẫn với lời khai của ông X.

Theo tờ xác nhận của bà Đoàn Thị S3 cho rằng phần đất hiện đang có tranh chấp là của cụ Năm Tr (tức Nguyễn Văn Tr), cụ Tr có bán cho cụ C2 một cái nền nhà và một cái liếp sau hè như tại căn nhà tường hiện hữu, còn phần đất còn lại không có bán cho ai. Tại phiên tòa phúc thẩm bà S3 xác định cụ Tr có cho cụ C2 ở nhờ, thời gian ở nhờ bà không nhớ, còn việc có bán cho cụ C2 và cụ C2 có sử dụng đất này hay không bà không biết. Bà chỉ biết ông Ngh có tới lui trông coi đất nhưng không có sử dụng đất. Cho thấy lời trình bày của bà S3 là không phù hợp và không có cơ sở.

Theo người làm chứng là anh Trần Văn Th1 cho rằng anh Th1 được Cụ N giao trông coi phần đất tranh chấp từ năm 2016, anh có sử dụng đất được hai năm nhưng cũng không có chứng cứ để chứng minh.

Theo người làm chứng là ông Lê Hữu T3 cho rằng cụ Ngh có mượn ông đến rạch Cái Sơn, ấp Tân Thuận, xã Tân D, huyện Lai V để bốc mộ ông bà của Cụ Ngh về an táng tại xã Bình Th, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp nhưng cũng không có chứng cứ để chứng minh.

[2.2.4] Bà T đại diện cho ông D1, bà T1 là những người thừa kế của cụ C2 xác định thửa đất tranh chấp nêu trên cụ C2 đã chuyển nhượng của cụ Tr từ trước năm 1975 và cụ C2 đã xây dựng nhà ở từ năm 1972. Năm 1978 cụ C2 có kê khai đăng ký thửa đất nêu trên và đã được ghi nhận tên của cụ C2 trong sổ

mục kê. Phần đất tranh chấp trước nay do cụ C2 và các con của cụ C2 quản lý sử dụng.

[2.2.5] Bà T đại diện cho ông D1 và bà T1 trình bày và cung cấp tài liệu chứng cứ là có căn cứ và phù hợp.

[2.2.6] Xét lời khai và xác nhận của những người làm chứng cho bà T1, ông D1:

Theo lời khai, xác nhận của Trần Hữu L1, Trần Thị Phi L2, Nguyễn Văn B1, Đoàn Văn C1, Trần Văn T2, ông Lương Văn S1 cho rằng phần đất tranh chấp cụ Tr đã bán cho cụ C2 trước năm 1975 và cụ C2 sử dụng từ trước năm 1975 đến khi cụ C2 chết thì bà T1, ông D1 sử dụng. Phần đất tranh chấp hiện do bà T1, ông D1 quản lý, sử dụng và cho ông T thuê đất.

[3] Ngoài ra, theo ông T xác định hiện đang thuê phần đất tranh chấp, có hợp đồng thuê đất với bà T1 và đồng ý trả lại đất cho bên bà T1, ông D1 khi hết hạn hợp đồng.

[4] Từ những nhận trên, Hội đồng xét xử xét việc trình bày của ông K, ông H đại diện cho cụ N là không có căn cứ. Việc trình bày của bà T đại diện cho ông D1, bà T1 là có cơ sở.

[5] Theo tài liệu, chứng cứ do ông K cung cấp thì cụ Ngh chết vào năm 2012 nhưng trước đó cụ Ngh không có kê khai đăng ký thửa đất trên theo quy định của pháp luật. Tại Công văn số 42/UBND-TNMT ngày 24/3/2020 và Công văn số 130/UBND-TNMT ngày 29/6/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Lai V xác định thửa đất tranh chấp do cụ C2 đứng tên trong sổ mục kê nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Điều này phù hợp với lời trình bày của ông D1, bà T1.

[6] Thửa đất tranh chấp cụ Ngh, cụ N không tiến hành kê khai, đăng ký theo quy định của pháp luật về đất đai. Cụ Đoàn Thị C2 quản lý sử dụng và xây dựng nhà ở trên đất từ trước năm 1975 nhưng cụ Ngh, cụ N và các con của cụ Ngh, cụ N không có tranh chấp, đồng thời cụ C2 đã kê khai, đăng ký được ghi tên trên sổ mục kê. Cho nên, Hội đồng xét xử xét thấy việc cụ N yêu cầu công nhận cho cụ N diện tích đất là 1.245,99m², tại thửa số 125, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Ông Đoàn Văn T xác định thửa đất số 125, tờ bản đồ số 31, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.943,7m², tọa lạc ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp là do ông thuê của ông D1, bà T1, có làm hợp đồng thuê đất

và ông T đồng ý trả lại đất khi hết hạn hợp đồng. Ông T không có tranh chấp đối với hợp đồng thuê đất ngày 01/01/2001 giữa ông T với bà T1, không có tranh chấp đối với tài sản, vật kiến trúc, cây trồng trên đất tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Bà T đại diện theo ủy quyền của ông D1, bà T1, bà T1 đồng thời là đại diện theo ủy quyền của Lê Thị Thu H1, Huỳnh Thị H4, Huỳnh Thị S1, Huỳnh Thị S2, Huỳnh Kim G, Huỳnh Thị Ngọc D2, Huỳnh Nh, Huỳnh Thu Th xác định không tranh chấp đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế là 1.943,7m², tọa lạc tại ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 19/5/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai V nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Do không chấp nhận yêu cầu của cụ N cùng các con là Nguyễn Thanh K, Nguyễn Phước T, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Đông H1, Nguyễn Thị Ngọc B1, Nguyễn Thị Kim P nên ông Nguyễn Thiện D1, bà Nguyễn Kim T1, Lê Thị Thu H1, Huỳnh Thị H4, Huỳnh Thị S1, Huỳnh Thị S2, Huỳnh Kim G, Huỳnh Thị Ngọc D2, Huỳnh Nh, Huỳnh Thu Th được tiếp tục quản lý sử dụng căn nhà và các cây trồng của cụ Đoàn Thị C2 gắn liền với phần đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế là 1.943,7m², thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 31, đất tọa lạc tại ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

[10] Qua lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy ông H đại diện theo ủy quyền của cụ N trình bày và yêu cầu kháng cáo là không có căn cứ chấp nhận. Việc trình bày và yêu cầu của bà T đại diện cho ông D1, bà T1 và bà T1 đại diện theo ủy quyền của Lê Thị Thu H1, Huỳnh Thị H4, Huỳnh Thị S1, Huỳnh Thị S2, Huỳnh Kim G, Huỳnh Thị Ngọc D2, Huỳnh Nh, Huỳnh Thu Th là có căn cứ chấp nhận.

[11] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm và không yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ.

[12] Từ các căn cứ, nhận định và phân tích nêu trên, xét thấy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lai V xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[13] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[14] Xét việc đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

[15] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do không chấp nhận yêu cầu của cụ N cùng các con của cụ N nên cụ N cùng các con là Nguyễn Thanh K, Nguyễn Phước T, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Đông H1, Nguyễn Thị Ngọc B1, Nguyễn Thị Kim P phải liên đới chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[16] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu của cụ N cùng các con của cụ N nên cụ N cùng các con là Nguyễn Thanh K, Nguyễn Phước T, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Đông H1, Nguyễn Thị Ngọc B1, Nguyễn Thị Kim P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ông Đoàn Văn T, ông Nguyễn Thiện D1, bà Nguyễn Kim T1, Lê Thị Thu H1, Huỳnh Thị H4, Huỳnh Thị S1, Huỳnh Thị S2, Huỳnh Kim G, Huỳnh Thị Ngọc D2, Huỳnh Nh, Huỳnh Thu Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Cụ Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1- Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 26, 38, 147, 148, 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 95, 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của cụ Nguyễn Thị N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2020/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lai V.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị N cùng các con là Nguyễn Thanh K, Nguyễn Phước T, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Đông H1, Nguyễn Thị Ngọc B1, Nguyễn Thị Kim P về việc yêu cầu ông Đoàn Văn T và những người thừa kế của cụ Đoàn Thị C2 trả lại diện tích theo đo đạc thực tế là 1.943,7m², thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 31, đất tọa lạc ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Không chấp nhận yêu cầu của cụ Nguyễn Thị N yêu cầu công nhận cho cụ N diện tích đất là 1.245,99m², thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 31, đất tọa lạc ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Thiện D1, bà Nguyễn Kim T1, Lê Thị Thu H1, Huỳnh Thị H4, Huỳnh Thị S1, Huỳnh Thị S2, Huỳnh Kim G, Huỳnh Thị Ngọc D2, Huỳnh Nh, Huỳnh Thu Th được tiếp tục sử dụng diện tích theo đo đạc thực tế là 1.943,7m² cùng với căn nhà, các cây trồng của cụ Đoàn Thị C2 gắn liền với thửa đất số 125, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp Tân Thuận E, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 19/5/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai V).

Ông Nguyễn Thiện D1, bà Nguyễn Kim T1, Lê Thị Thu H1, Huỳnh Thị H4, Huỳnh Thị S1, Huỳnh Thị S2, Huỳnh Kim G, Huỳnh Thị Ngọc D2, Huỳnh Nh, Huỳnh Thu Th được được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

* Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản tổng cộng 3.643.000 đồng *(ba triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng)*, cụ Nguyễn Thị N, Nguyễn Thanh K, Nguyễn Phước T, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Đông H1, Nguyễn Thị Ngọc B1, Nguyễn Thị Kim P phải liên đới chịu. Số tiền là 3.643.000 đồng cụ Nguyễn Thị N, Nguyễn Thanh K, Nguyễn Phước T, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Đông H1, Nguyễn Thị Ngọc B1, Nguyễn Thị Kim P đã nộp và chi xong.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Cụ Nguyễn Thị N, Nguyễn Thanh K, Nguyễn Phước T, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Đông H1, Nguyễn Thị Ngọc B1, Nguyễn Thị Kim P phải liên đới chịu số tiền là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí do cụ Nguyễn Thị N đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0001899 ngày 04/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp. Cụ Nguyễn Thị N, Nguyễn Thanh K, Nguyễn Phước T, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Đông H1, Nguyễn Thị Ngọc B1, Nguyễn Thị Kim P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đoàn Văn T, ông Nguyễn Thiện D1, bà Nguyễn Kim T1, Lê Thị Thu H1, Huỳnh Thị H4, Huỳnh Thị S1, Huỳnh Thị S2, Huỳnh Kim G, Huỳnh Thị Ngọc D2, Huỳnh Nh, Huỳnh Thu Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Cụ Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0005286 ngày 26/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp. Cụ Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV-THA Tòa án Tỉnh;
- TAND huyện Lai V;
- Chi cục THADS huyện Lai V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Tôn